

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày 14 - 3 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
(yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Vĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Nhữ Thị Nga**
2. Ông: **Nguyễn Trung Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Anh Thị Thanh Tâm** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Lý Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng dân sự (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Hà Quang H**; Sinh năm: 1985;
Nơi ĐKKH: Tổ 03, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.
Địa chỉ nơi ở: Thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà **Viên Thị N**; Sinh năm: 1968;
Địa chỉ cư trú: Tổ 03, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2017, bản tự khai ngày 16/10/2017, biên bản hòa giải ngày 12/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Hà Quang H trình bày:

Tháng 12/2015 anh H và bà Viên Thị N có thỏa thuận bằng miệng không ký kết bằng văn bản với nhau về việc sửa chữa, lắp đặt và làm mới toàn bộ hệ thống mái tôn, trần tôn và cửa nhôm cho khách sạn Vạn Duy; địa chỉ tổ 03, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang do bà Viên Thị N làm chủ. Sau khi thỏa thuận xong tôi đã thực hiện công việc theo yêu cầu của bà N, đến tháng 02/2016 tôi đã hoàn thiện được một số hạng mục công việc theo yêu cầu của bà N, ngày 05/02/2016 bà N có cho tôi ứng tiền công

và tiền vật liệu là 30.000.000^d, sau đó tôi tiếp tục làm các hạng mục công trình cho bà N như đã thỏa thuận. Đến ngày 14/4/2016 các công việc bà N yêu cầu tôi đã hoàn thành, tôi và bà N đã nghiệm thu các công việc tôi đã làm xong để đưa vào sử dụng và cùng nhau chốt nợ với số tiền bà N còn phải trả cho tôi là 77.808.000^d. Đến cuối tháng 4/2016 bà N tiếp tục đề nghị tôi lắp đặt thêm máng nước mái tôn của nhà trên với số tiền hai bên thỏa thuận là 2.125.0000^d. Như vậy tổng số tiền công và tiền vật liệu bà N còn phải trả cho tôi là 79.933.000^d. Bà N đã nghiệm thu đồng ý và ký nhận toàn bộ số tiền nợ công trình như trên tại sổ theo dõi công trình của cá nhân tôi. Bà N hẹn đến ngày 30/9/2016 bà sẽ thanh toán hết số nợ, nhưng đến thời điểm như đã hẹn, bà N vẫn chưa thanh toán số tiền nợ trên cho tôi, mặc dù tôi đã yêu cầu bà N nhiều lần nhưng bà N đều khất lần đến nay chưa thanh toán trả cho tôi thêm được số tiền nào. Vì vậy tôi đã làm đơn khởi kiện bà N, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Viên Thị N phải thanh toán cho tôi số tiền còn nợ là 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 01/11/2017, biên bản hòa giải ngày 12/01/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Viên Thị N trình bày:

Đầu năm 2016 bà có đề nghị anh Hà Quang H làm một số mái tôn, trần tôn và cửa nhôm cho gia đình (khách sạn Vạn Duy). Sau khi anh H làm xong hai bên đã đo đạc nghiệm thu và tôi có ký nhận nợ với anh H, nhưng sau khi đưa vào sử dụng tổng thể do anh H làm về mỹ quan không đẹp, chất lượng kém, mái tôn dột, do vì kèo sắt nhỏ nên mái tôn võng, cửa nhôm phòng giặt không sử dụng được, giá thành quá cao so với các cửa hàng khác. Về chất lượng bà đã nhiều lần gọi điện cho anh H đến sửa nhưng không khắc phục được vẫn kém như cũ, dột nát.

Bà đề nghị anh H phải hoàn tất sửa chữa công trình đã làm đạt theo yêu cầu của bà và hoàn tất các ô cửa thoáng trong các phòng nghỉ anh H chưa làm; và cộng lại giá thành theo giá chung như đã thỏa thuận miệng với nhau; cộng lại số tiền nợ và trừ các khoản bà đã thanh toán cho anh H chính xác. Số tiền anh H khởi kiện là 79.933.000^d bà cho rằng không chính xác vì mỗi lần bà trả tiền anh H không ghi vào sổ, anh H bắt đầu làm ứng 30.000.000^d là ghi vào sổ còn mọi lần khác đưa lẻ tẻ thì không ghi vào sổ của anh H, anh H tự ghi tự chép, tự tính giá cả rồi chốt nợ. Bà không đồng ý với ý kiến của anh H, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2017 bà N có đơn đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, yêu cầu xem xét, thẩm định những hạng mục công trình không đạt yêu cầu, đã xuống cấp theo 11 ảnh bà đã cung cấp cho Tòa án ngày 23/11/2017.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2018 xác định như sau:

- Ảnh số 01: Tường mốc do toàn bộ bức tường đằng sau không chất, trên là máng nước.

- Ảnh số 02: Ô thoáng không lắp cửa vì bị đơn không thanh toán tiền nên nguyên đơn không lắp và không có trong bảng kê thanh toán nhận nợ giữa hai bên.

- Ảnh số 03: Mái tôn không đạt độ dốc bị đơn yêu cầu hạ mép ngoài mái tôn tầng 02 thấp hơn bên trong 20cm.

- Ảnh số 04: Cầu thang phá ra chưa làm lại bị đơn không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và không có trong bảng kê thanh toán nhận nợ giữa hai bên.

- Ảnh số 05, 07, 08, 09: Mái vồng ở giữa bị đơn cho rằng do thép V xà mái bé.
- Ảnh số 06: Cửa khóa không đóng được, thực tế cửa vẫn khóa được và có chốt trên dưới, bên dưới mất chốt.
- Ảnh số 10: Mái tôn tầng 03 dột, thực tế mái không dột, bị đơn yêu cầu khắc phục dột tại các đỉnh vít và hai bên mép bên ngoài tiếp giáp giữa tường và mái tôn, khắc phục mái vồng.
- Ảnh số 11: Mái tôn cắt quá cụt, dột, hắt nguyên đơn cắt mái tôn theo yêu cầu của bị đơn, bị đơn không chỉ cắt như hiện tại.

Ngoài ra vì kèo mái tôn hiện nhà chưa sơn hết. (có ảnh kèm theo).

Tại phiên tòa:

Anh Hà Quang H giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và biên bản hòa giải. Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ bà N yêu cầu anh khắc phục các hạng mục công trình không đạt yêu cầu, anh H tự nguyện nhất trí và đã nhiều lần liên hệ với bà N để đến sửa chữa, khắc phục nhưng bà N không tạo điều kiện để cho anh sửa chữa, khắc phục nên đến nay anh vẫn chưa sửa chữa, khắc phục được các hạng mục công trình theo yêu cầu của bà N. Anh yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Viên Thị N phải thanh toán cho anh số tiền gốc còn nợ là 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ trên.

Bị đơn bà Viên Thị N nhất trí trả cho anh H số tiền còn nợ là 79.933.000^d đồng thời yêu cầu anh H khắc phục, sửa chữa những công việc mà anh H đã thực hiện chưa đạt yêu cầu cụ thể như sau: Lắp chốt dưới cửa nhôm; khắc phục dột tại các đỉnh vít và hai bên ngoài phần tiếp giáp giữa tường và mái tôn; mái tôn chưa đạt độ dốc nên hạ mép ngoài mái thấp xuống 20cm; sơn nốt phần chưa sơn của vì kèo hiên nhà; thay hai cột nổi của nhà xe và khắc phục máng nước, nổi mái tôn thêm 30cm nhà cấp 4 (tôn để nổi bà N chuẩn bị để anh H làm). Về thời gian để anh H khắc phục sửa chữa, bà N sẽ bố trí trong khoảng thời gian từ 17/3/2018 cho đến ngày 15/4/2018 bà sẽ bố trí và điện thông báo cho anh H đến để sửa chữa, khắc phục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bà N chưa thực sự hợp tác tốt với Tòa án, còn có sự né tránh không chấp hành và vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/3/2018 dẫn đến việc hoãn phiên tòa gây khó khăn cho người tiến hành tố tụng và nguyên đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án, căn cứ vào nội dung vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu của anh H về việc buộc bà N phải trả số tiền 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) là có cơ sở, căn cứ Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 156; Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng dân sự (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng dân sự giữa nguyên đơn anh Hà Quang H với bị đơn bà Viên Thị N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hay ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 401, 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[3] Xét yêu cầu của anh H về việc buộc bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào sổ theo dõi của anh H thể hiện công việc anh H đã thực hiện là sửa chữa, lắp đặt và làm mới một số mái tôn, trần tôn và cửa nhôm cho khách sạn Vạn Duy tại tổ 03 thị trấn T., huyện Q, tỉnh Hà Giang do bà Viên Thị N làm chủ từ tháng 12/2015 cho đến ngày 14/4/2016 về số lượng, đơn giá mà hai bên đã thỏa thuận và thực hiện, cùng nhau nghiệm thu, đối chiếu và trừ đi số tiền bà N đã ứng cho anh H số tiền 30.000.000^d ngày 05/02/2016 và nhận nợ số tiền là 79.933.000^d hện đến ngày 30/9/2016 bà N sẽ trả hết số tiền nợ trên cho anh H. Việc nghiệm thu và nhận nợ đã được hai bên thực hiện, bà N viết đã nghiệm thu và ký nhận nợ số tiền trên tại sổ theo dõi của anh H (bút lục số 02,03). Quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận các công việc anh H đã thực hiện, ứng tiền và ký nhận nợ số tiền trên với anh H và nhất trí trả anh H số tiền còn nợ là 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Anh H không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền còn nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi của số tiền còn nợ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng, các công việc anh H đã thực hiện sau khi đưa vào sử dụng về mỹ quan không đẹp, chất lượng kém, mái vồng, giá thành cao, số tiền 79.933.000^d anh H khởi kiện là không chính xác vì những lần bà N trả tiền cho anh H nhưng anh H không ghi vào sổ chỉ ghi vào sổ khi làm anh H ứng số tiền 30.000.000^d, anh H tự ghi tự chép, tự tính giá cả rồi chốt nợ. Ngày 08/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Q đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số

09/2017/QĐ-CCTLCC yêu cầu bà N cung cấp cho Tòa án tất cả tài liệu chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trên của bà. Đến ngày 23/11/2017 bà N chỉ cung cấp được 11 ảnh chụp các công việc anh H đã thực hiện và không không đạt yêu cầu của bà N và đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ theo các bản ảnh bà N cung cấp, còn tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bà đã nhiều lần trả tiền nợ cho anh H bà N không cung cấp được. Như vậy, việc bà N cho rằng bà đã trả nợ cho anh H lẻ tẻ nhiều lần nhưng anh H không ghi vào sổ và chỉ ghi một lần với số tiền 30.000.000^d, anh H tự ghi tự chép, tự tính giá cả rồi chốt nợ tại sổ theo dõi của anh H cũng như 11 bản ảnh chụp bà N cho rằng không đạt yêu cầu là không có cơ sở. Tại sổ theo dõi của anh H thể hiện, ngày 14/4/2016, bà N đã nghiệm thu đưa vào sử dụng các công việc anh H đã thực hiện xong, nhận nợ và hẹn ngày trả nợ, mặt khác anh H khẳng định quá trình anh thực hiện công việc cho bà N anh chỉ được bà N ứng cho một lần với số tiền là 30.000.000^d, ngoài ra anh không được ứng hay bà N trả nợ anh lần nào khác và khi thực hiện xong công việc hai bên đã cùng nhau nghiệm thu, nhất trí công việc, đơn giá và bù trừ số tiền đã ứng, bà N nhận nợ số tiền là 79.933.000^d đến nay chưa thanh toán. Từ những nhận định trên, nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bị đơn yêu cầu nguyên đơn cộng lại giá theo giá chung đã thỏa thuận, cộng lại số tiền nợ, trừ đi các khoản đã thanh toán còn lại bà sẽ trả cho anh H.

[5] Việc bà N cho rằng anh H làm về mỹ quan không đẹp, chất lượng kém, mái tôn dột, do vì kèo sắt nhỏ nên mái tôn võng, cửa nhôm phòng giặt không sử dụng được và đề nghị anh H phải khắc phục sửa chữa những công trình không đạt yêu cầu, đã xuống cấp. Ngày 16/01/2018 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các công việc do anh H thực hiện theo yêu cầu của bà N. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng tường mốc trong nhà là do bức tường đằng sau không chắc, không phải lỗi của anh H lắp máng nước phía trên; ô cửa thoáng không lắp cửa là do bà N chưa thanh toán tiền nên anh H không lắp và không có trong bảng kê thanh toán nhận nợ; cửa nhôm kính thực tế vẫn khóa được và có chốt trên dưới, bên dưới mất chốt, mái tôn không đạt độ dốc, mái võng, mái dột. Bà N yêu cầu anh H khắc phục các phần việc như: Lắp chốt dưới cửa nhôm; khắc phục dột tại các đỉnh vít và hai bên ngoài phần tiếp giáp giữa tường và mái tôn; mái tôn chưa đạt độ dốc nên hạ mép ngoài mái thấp xuống 20cm; sơn nốt phần chưa sơn của vì kèo hiên nhà; thay hai cột nổi của nhà xe và khắc phục máng nước, nổi mái tôn thêm 30cm nhà cấp 4, tôn để nổi bà N chuẩn bị để anh H làm (theo các bản ảnh xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2018). Anh H nhất trí và tự nguyện khắc phục nhưng đã nhiều lần đến để sửa chữa khắc phục những yêu cầu trên nhưng bà N chưa bố trí được thời gian để anh H sửa chữa. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H nhất trí khắc phục, sửa chữa những yêu cầu trên của bị đơn là tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện khắc phục, sửa chữa của nguyên đơn đối với yêu cầu của bị đơn.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000^d (một triệu đồng). Yêu cầu của bà N được nguyên đơn chấp nhận và tự nguyện sửa chữa khắc phục nên bà N, anh H mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000^d theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp. Anh H có trách nhiệm hoàn trả cho bà N 500.000^d chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 79.933.000^d nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch phải chịu theo quy định tại Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí bị đơn phải nộp là $(79.933.000^d \times 5\%) = 3.996.650^d$ (ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Anh Hà Quang H không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho anh H số tiền 1.998.000^d (một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Quang H.

Buộc bà Viên Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Hà Quang H số tiền 79.933.000^d (bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Anh Hà Quang H khắc phục, sửa chữa các phần việc theo yêu cầu của bà Viên Thị N gồm: Lắp chốt dưới cửa nhôm kính (ảnh 08); khắc phục vết tại các đinh vít và hai bên ngoài phần tiếp giáp giữa tường và mái tôn (ảnh 11, 13); mái tôn chưa đạt độ dốc nên hạ mép ngoài mái thấp xuống 20cm (ảnh 02, 03); sơn nốt phần chưa sơn của vì kèo hiên nhà (ảnh 16, 17);

thay hai cột nổi của nhà xe (ảnh 07) và khắc phục máng nước (ảnh 01); nổi mái tôn thêm 30cm nhà cấp 4, tôn đề nổi bà N chuẩn bị để anh H làm (ảnh 14, 15). *(Các ảnh trên theo bản ảnh xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2018 từ bút lục số 51 đến 53).*

Về thời gian thực hiện: Từ ngày 17/3/2018 cho đến ngày 15/4/2018 bà N có trách nhiệm bố trí ngày, giờ theo giờ hành chính và thông báo để anh H đến sửa chữa, khắc phục.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Hà Quang H và bà Viên Thị N mỗi người phải chịu 500.000^d (năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí là 1.000.000^d (một triệu đồng) bà N đã nộp. Anh Hà Quang H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Viên Thị N 500.000^d (năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Viên Thị N phải chịu 3.996.650^d (ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hà Quang H không phải chịu án phí. Trả lại cho anh Hà Quang H 1.998.000^d (một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BB/2012/02567 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh